

Cách sử dụng cuốn sách này	12
--------------------------------------	----

CỔ ĐẠI

▶ Niên biểu	
Các triết gia thời cổ đại	016
▶ Giới thiệu triết gia	
Thales xứ Miletus Pythagoras	018
Heraclitus Parmenides	019
Protagoras Gorgias	020
Socrates Democritus	021
Plato Aristotle	022
Zeno xứ Citium Epicurus	023
▶ Giải thích thuật ngữ	
MythosThales, v.v...	024
LogosThales, v.v...	025
Triết học tự nhiênThales, v.v...	026
ArcheThales, v.v...	028
Vạn vật đều chảy trôi (panta rhei).. . . .Heraclitus	029
Thứ gì có thì có.	
Thứ gì không có thì không thể có.Parmenides	030
Thuyết nguyên tửDemocritus	031
Con người là thước đo vạn vật.Protagoras, v.v...	032
Nhà ngục biện.Gorgias, v.v...	034
Biết rằng mình không biết gìSocrates.	036
Tri thức và đạo đức là một.Socrates.	037
Phương pháp đặt câu hỏiSocrates.	038
Chăm sóc tâm hồnSocrates.	040
AreteSocrates.	042
Không chỉ sống,	
mà còn phải sống tốt.Socrates.	043
Doxa.Plato	044
EpistemePlato	045
Ý niệm (idea)Plato	046
Thế giới ý niệm Thế giới hiện tượng . . .Plato	048
Thuyết hồi tưởng (Anamnesis)Plato	050
ErosPlato	051
Ngụ ngôn về cái hàngPlato	052

004

Thuyết ba phần của linh hồnPlato	054
Bốn nhân đức trụPlato	055
Vị vua hiền triếtPlato	056
Quốc gia lí tưởngPlato	057
Hình thức (eidos) Vật chất (hyle)Aristotle	058
Tiềm năng (dunamis) Thực tế (energeia) Aristotle	060
Thuyết bốn nguyên nhânAristotle	061
Siêu hình học (Metaphysica)Aristotle	062
TeoríaAristotle	064
Nhân đức thuộc trí tuệ	
Nhân đức thuộc luân lí.Aristotle	065
Chiết trungAristotle	066
PhiliaAristotle	067
Công lí.Aristotle	068
Chủ nghĩa khắc kỉ.Zeno	070
Chủ nghĩa EpicurusEpicurus.	072

TRUNG CỔ

▶ Niên biểu	
Các triết gia thời Trung cổ.	076
▶ Giới thiệu triết gia	
Aurelius Augustinus Anselm thành Canterbury	078
Thomas Aquinas William xứ Ockham	079
▶ Giải thích thuật ngữ	
AgapeJesus Christ.	080
Triết học giáo phụ.Augustinus	082
Triết học kinh viện.Thomas Aquinas.	084
Trang luận về cái phổ quátAnselm, v.v...	086
Dao tạo của Ockham.Ockham	088

CẬN ĐẠI

▶ Niên biểu	
Các triết gia thời Cận đại	092
▶ Giới thiệu triết gia	
Francis Bacon John Locke	094
George Berkeley David Hume	095
René Descartes Baruch de Spinoza	096

005

Gottfried Leibniz Thomas Hobbes	097
Charles-Louis de Montesquieu Jean-Jacques Rousseau	098
Michel de Montaigne Blaise Pascal	099
▶ Giải thích thuật ngữ	
Tri thức là sức mạnh.Bacon 100
Chủ nghĩa kinh nghiệm Anh.Bacon, v.v... 101
Ngẫu tượng (idola)Bacon 102
Phương pháp quy nạpBacon, v.v... 104
Phương pháp diễn dịch.Descartes, v.v... 105
Thuyết duy lí lục địaDescartes, v.v... 106
Tôi tư duy nên tôi tồn tại (Cogito ergo sum)Descartes 108
Bằng chứng về sự tồn tại của ChúaDescartes 110
Ý niệm bẩm sinh.Descartes 112
Chủ quan Khách quanDescartes 113
Thuyết nhị nguyênDescartes 114
Phần mở rộngDescartes 115
Thuyết phiếm thầnSpinoza 116
Nhìn mọi thứ dưới góc độ vĩnh cửu.Spinoza 118
MonadLeibniz. 120
Sự hài hòa tiên địnhLeibniz. 121
Nguyên tắc đủ lí do.Leibniz. 122
Tabula rasaLocke. 123
Ý niệm đơn Ý niệm phứcLocke. 124
Đặc tính sơ cấp Đặc tính thứ cấpLocke. 125
Tồn tại nghĩa là được nhận thức bằng tri giác.Berkeley. 126
Bỏ tri giác.Hume 128
Quan hệ nhân quảHume 130
Thực thểDescartes, v.v... 132
Nhận thức luậnLocke, v.v... 133
Nhà đạo đức (moralist).Montaigne 134
Con người là cây sậy biết suy nghĩ.Pascal 136
Tư duy trực giác.Pascal 137
Leviathan.Hobbes 138
Quyền phản khángLocke. 140

Ý chí chungRousseau 141
Phong trào Khai sángLocke, v.v... 142

HẬU KÌ CẬN ĐẠI

▶ Niên biểu	
Các triết gia thời hậu kì Cận đại	146
▶ Giới thiệu triết gia	
Adam Smith Immanuel Kant.	148
Gottlieb Fichte Friedrich Schelling	149
Georg Hegel Arthur Schopenhauer.	150
Søren Kierkegaard Karl Marx	151
Friedrich Nietzsche Jeremy Bentham	152
John Stuart Mill Charles Sanders Peirce.	153
William James John Dewey	154
Sigmund Freud Carl Gustav Jung.	155
▶ Giải thích thuật ngữ	
A prioriKant 156
Vật tự thân.Kant 158
Phạm trùKant 160
Hiện tượngKant 161
Cách mạng Copernicus.Kant 162
Sự tự mâu thuẫn của lí tínhKant 163
Nguyên tắc đạo đứcKant 164
Mệnh lệnh nhất quyếtKant 165
Thế giới hiện tượng Thế giới khả niệmKant 166
Lí tính lí thuyết Lí tính thực hànhKant 167
Châm ngôn.Kant 168
Tự trị.Kant 169
Vương quốc mục đíchKant 170
Triết học phê phánKant 171
Chủ nghĩa duy tâm ĐứcHegel, v.v... 172
Tinh thần tuyệt đốiHegel 173
Phép biện chứngHegel 174
Lịch sử.Hegel 176
Đời sống đạo đứcHegel 178
Gia đình Xã hội dân sự Quốc giaHegel 179

Chủ nghĩa bi quan (Pessimism)	Schopenhauer	180
Cái đó hay cái này	Kierkegaard	182
Chân lí mang tính chủ quan	Kierkegaard	183
Ngoại lệ.	Kierkegaard	184
Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism)	Kierkegaard	185
Ba giai đoạn của hiện sinh	Kierkegaard	186
Bàn tay vô hình (của Chúa)	Adam Smith	188
Tự do kinh tế (laissez-faire)	Adam Smith	190
Thuyết công lợi	Bentham	191
Phép tính hạnh phúc	Bentham	192
Nguyên tắc hạnh phúc tối đa	Bentham	193
Chủ nghĩa công lợi định tính	Mill	194
Giai cấp tư sản Giai cấp công nhân	Marx	195
Quan hệ sản xuất.	Marx	196
Tha hóa (lao động)	Marx	198
Đấu tranh giai cấp	Marx	199
Kiến trúc thượng tầng Cơ sở hạ tầng	Marx	200
Hệ tư tưởng (ideology)	Marx	201
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Marx	202
Chủ nghĩa duy tâm	Hegel, v.v...	204
Chủ nghĩa duy vật	Marx, v.v....	205
Chủ nghĩa hư vô (Nihilism).	Nietzsche, v.v...	206
Ressentiment	Nietzsche	208
Đạo đức nô lệ	Nietzsche	210
Ý chí quyền lực.	Nietzsche	212
Chủ nghĩa quan điểm (Perspectivism)	Nietzsche	213
Vĩnh cửu luân hồi.	Nietzsche	214
Siêu nhân.	Nietzsche	216
Chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism)	Peirce	218
Vô thức	Freud.	220
Bản năng (id) Bản ngã (ego)		
Siêu ngã (super-ego)	Freud.	221
Eros Thanatos	Freud.	222
Vô thức tập thể	Jung	223

HIỆN ĐẠI

► Niên biểu	
Các triết gia thời hiện đại	226
► Giới thiệu triết gia	
Bertrand Russell Ludwig Wittgenstein.	228
Rudolf Carnap Karl Popper	229
Thomas Kuhn Edmund Husserl	230
Martin Heidegger Karl Jaspers	231
Jean-Paul Sartre Maurice Merleau-Ponty.	232
Max Horkheimer Jürgen Habermas	233
Hannah Arendt Emmanuel Levinas.	234
Ferdinand de Saussure Claude Lévi-Strauss	235
Gilles Deleuze Michel Foucault	236
Jacques Derrida Jean-Francois Lyotard.	237
Jean Baudrillard John Bordley Rawls	238
Robert Nozick Michael J. Sandel	239
Simone de Beauvoir Judith P. Butler	240
Edward Wadie Said Antonio Negri	241
► Giải thích thuật ngữ	
Langue Parole	Saussure 242
Signifiant Signifié	Saussure 243
Tính tùy tiện của ngôn ngữ	Saussure 244
Hiện tượng học	Husserl 246
Truy nguyên hiện tượng học.	Husserl 248
Époque	Husserl 250
Ý hướng tính	Husserl 252
Noesis Noema	Husserl 253
Liên chủ quan	Husserl 254
Bản thể luận	Heidegger. 256
Sẽ đến Đã tồn tại	Heidegger. 257
Hữu tại thể (dasein).	Heidegger. 258
Tồn-tại-trong-thể-giới (being in the world)	Heidegger. 259
Das man (người ta)	Heidegger. 260
Bị-ném-vào (geworfenheit)	Heidegger. 261
Tồn tại hướng đến cái chết	Heidegger. 262

Tình huống giới hạn	Jaspers	264
Il y a	Levinas	266
Gương mặt	Levinas	268
Lí thuyết ánh xạ ngôn ngữ.	Wittgenstein	270
Trò chơi ngôn ngữ.	Wittgenstein	272
Sự giống nhau trong gia đình.	Wittgenstein	274
Triết học phân tích	Wittgenstein	276
Chủ nghĩa thực chứng logic	Carnap, v.v...	278
Khả năng phản nghiệm	Popper.	280
Hệ hình (paradigm)	Kuhn	282
Lí tính công cụ	Horkheimer	284
Lí tính đối thoại	Habermas.	286
Chủ nghĩa toàn trị.	Arendt.	287
Hiện sinh có trước bản chất..	Sartre	288
Con người bị kết án phải tự do..	Sartre	289
Tồn-tại-tự-mình Tồn-tại-cho-mình	Sartre	290
Dấn thân (engagement)	Sartre	292
Sơ đồ cơ thể	Merleau-Ponty	294
“Xác thật”	Merleau-Ponty	296
Chủ nghĩa cấu trúc (Structuralism).	Lévi-Strauss	298
Tư duy hoang dã	Lévi-Strauss	300
Chủ nghĩa tự do (Liberalism)	Rawls	302
Chủ nghĩa tự do cá nhân (Libertarianism)	Nozick	304
Chủ nghĩa cộng đồng (Communitarianism)	Sandel.	305
Chủ nghĩa hậu cấu trúc	Derrida	306
Hậu hiện đại	Lyotard	307
Nguyên lí khác biệt	Baudrillard	308
Simulacra.	Baudrillard	310
Episteme	Foucault.	312
Sự kết thúc của con người	Foucault.	314
Sinh-chính trị (biopolitics)	Foucault.	315
Panopticon.	Foucault.	316
Đối lập nhị phân.	Derrida	318
Giải cấu trúc	Derrida	320

Trì biệt.	Derrida	322
Cây (tree) Thân rễ (rhizome)	Deleuze	324
Schizo Parano	Deleuze	326
Nomad	Deleuze	328
Chủ nghĩa nữ quyền (Feminism)	Beauvoir.	330
Giới (gender)	Butler	331
Đông phương luận (Orientalism)	Said	332
“Đế chế”.	Negri.	334
Multitude (quần chúng)	Negri.	336
Đạo đức sinh học Đạo đức môi trường.		338
Lời cuối sách		340
Tài liệu tham khảo		342
Chỉ mục		345

CỔ ĐẠY



Plato quan niệm rằng linh hồn của con người từng ở trên thiên đường và đã nhìn thấy những ý niệm, nhưng trên đường xuống hạ giới, ta đã quên hầu hết mọi điều.



Ai không thông thạo hình học thì không được tiến vào.

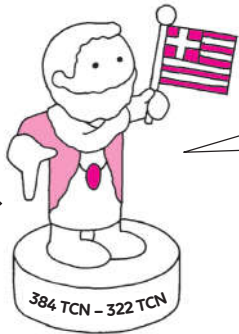
Đây là câu danh ngôn được viết trên cánh cửa trường Akademia. Tư tưởng của Plato chịu ảnh hưởng sâu sắc từ toán học.

PLATO

▶ Trang 044 – 057

Plato xuất thân trong một gia đình quý tộc ở Athens. Ông là triết gia có ảnh hưởng mạnh mẽ tới triết học phương Tây. Thời thanh niên, ông học triết học với người thầy của mình là Socrates. Sau khi Socrates bị xử tử hình, ông cảm thấy thất vọng với Athens và đi chu du khắp nơi, từ đảo Sicily, nước Ý tới Ai Cập. Sau khi trở về Athens, ông sáng lập trường Akademia ở ngoại ô, chuyên tâm nghiên cứu triết học và giảng dạy. Akademia đã tồn tại suốt 900 năm.

Ngược lại với chủ nghĩa lí tưởng của Plato, trong đó con người luôn tìm kiếm những ý niệm của một thế giới ở cõi trên vượt ra ngoài những hiện tượng, Aristotle là một triết gia theo chủ nghĩa hiện thực, tìm kiếm bản chất của sự vật ở trong hiện thực.



Con người về bản chất là động vật có tính cộng đồng.

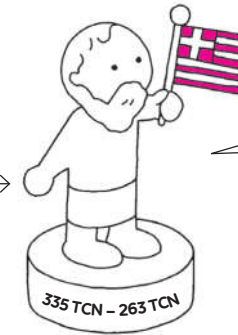
Theo Aristotle, con người là thực thể xã hội, không phải cá nhân riêng lẻ.

ARISTOTLE

▶ Trang 058 – 068

Aristotle là triết gia cổ đại vĩ đại nhất. Năm 17 tuổi, ông đến Athens và theo học tại trường Akademia của Plato trong 20 năm. Sau đó, ông làm gia sư cho Alexandros ở Macedonia (sau này là Alexandros Đại đế). Sau khi Alexandros lên ngôi, ông trở về Athens, thành lập trường Lyceum. Aristotle thường thảo luận với học trò trong lúc đang tản bộ trên các hành lang của học viện, do vậy trường phái của ông được gọi là "trường phái tiêu dao".

Zeno là người sáng lập chủ nghĩa khắc kỉ (Stoicism). Ông cho rằng sống một cách khắc khổ, không quay cuồng trong những cảm xúc mãnh liệt mới là cách sống đúng với tự nhiên.



Hãy sống thuận theo tự nhiên.

Những người theo phái khắc kỉ có một nét tính cách của người công dân toàn cầu, đó là coi tất cả mọi người đều bình đẳng dưới logos – quy luật của tự nhiên.

ZENO XỨ CITIUM

▶ Trang 070

Ông sinh ra trong một gia đình thương nhân ở Citium, đảo Cyprus. Khi đến tuổi thanh niên, Zeno lên thuyền làm thương nhân, nhưng con thuyền chở ông bị đắm và ông tới Athens. Ông đã vô cùng ấn tượng khi đọc Các cuộc đối thoại của Socrates (Memorabilia) của Xenophon trong hiệu sách ở Athens và bắt đầu học triết học. Sau đó, ông mở ngôi trường Stoa Poikile (mái vòm có tranh tường) ở Athens, vậy nên chủ nghĩa khắc kỉ do Zeno sáng lập được gọi là chủ nghĩa Stoic.

Epicurus tránh né những rào cản về chính trị và xã hội, đồng thời tìm kiếm sự bình yên của linh hồn cá nhân. Xét trên phương diện này, ông có tính cách nhuốm màu chủ nghĩa cá nhân rất mạnh mẽ, trái ngược với Aristotle.



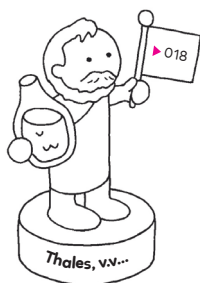
Cái chết không can dự đến chúng ta.

Con người không chết khi đang sống và không sống khi đã chết. Do vậy, ta không cần phải bận tâm lo nghĩ về cái chết.

EPICURUS

▶ Trang 072

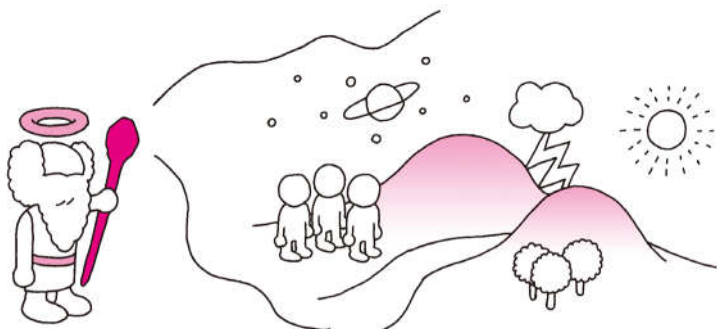
Epicurus sinh ra tại đảo Samos. Ông mở một ngôi trường nổi liền với khu vườn của mình ở ngoại ô Athens, xây dựng trường phái học thuật mang tên Epicurus. Chịu ảnh hưởng từ tư tưởng về thuyết nguyên tử của Democritus, ông cho rằng cái chết là sự phân tán của các nguyên tử tạo nên linh hồn, do đó nó không phải là điều xấu hay đáng sợ. Triết lí này được gọi là "chủ nghĩa khoái lạc", nhưng từ "khoái lạc" theo quan niệm của Epicurus là sự bình yên của tâm hồn và sự giải phóng khỏi nỗi sợ hãi về cái chết.



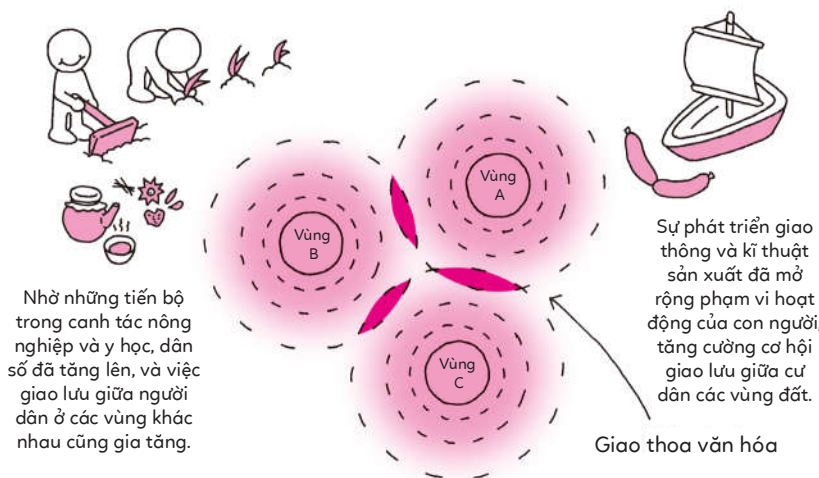
TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN

Ý nghĩa: Trường phái triết học tìm cách khám phá bản chất của tự nhiên một cách hợp lí.
 Tài liệu: Siêu hình học (Aristotle).
 Ví dụ cụ thể: Thales, Anaximandros, Anaximenes.
 Ghi chú: Đồng nghĩa với "khoa học tự nhiên".

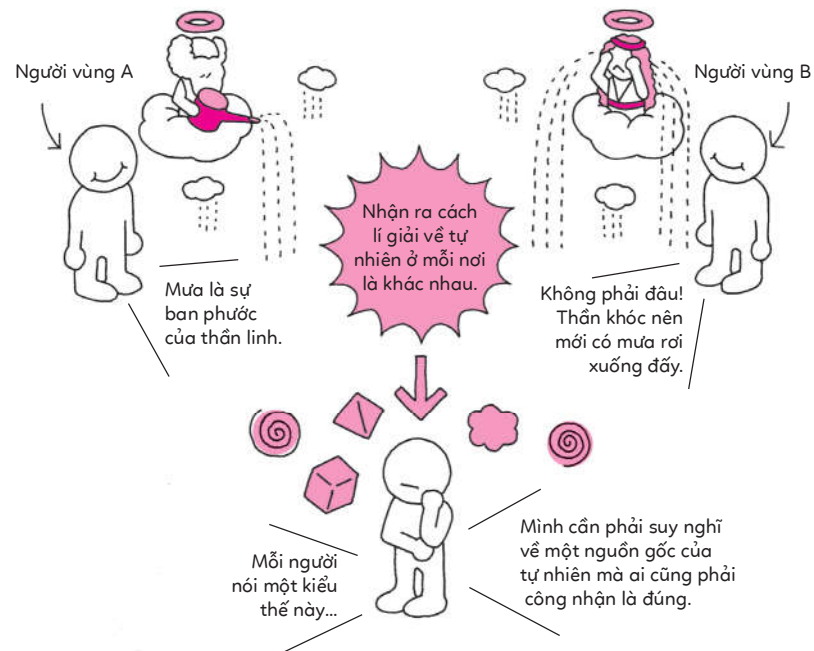
Trước đây, người ta cho rằng tự nhiên (thế giới) là do các vị thần tạo ra. Mọi người học về sự hình thành thế giới từ các thần thoại.



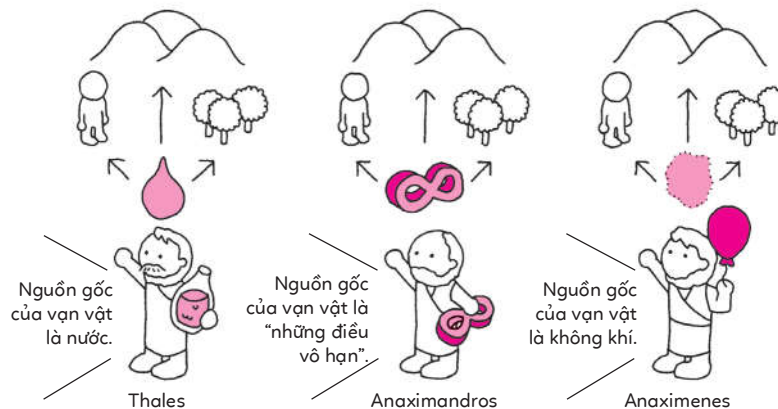
Sau đó, với những tiến bộ của kĩ thuật và công nghệ, cuộc sống của con người trở nên phong phú, đầy đủ hơn. Dân số tăng lên, người dân từ nhiều khu vực gặp gỡ, giao lưu với nhau.



Cũng từ đây, mọi người nhận ra rằng thần thoại lí giải sự hình thành thế giới ở mỗi vùng là khác nhau.



Từ đó, xuất hiện nhu cầu đưa ra một cách lí giải về nguồn gốc của vạn vật mà ai cũng chấp nhận. Thales quan niệm nước là nguồn gốc của vạn vật, còn Anaximenes thì cho rằng đó là không khí. Thực chất, việc nguồn gốc của mọi thứ là nước hay không khí không phải là điều quan trọng, mà chính là lối suy nghĩ mới thông qua tư duy của bản thân để phát hiện ra nguồn gốc của vạn vật ở ngay trong tự nhiên chứ không dựa vào thần thoại. Đây chính là sự khởi đầu của **triết học tự nhiên**.





CON NGƯỜI LÀ THƯỚC ĐO VẠN VẬT.

Ý nghĩa: Không có tiêu chuẩn đánh giá nào là bất biến.
 Sách tham khảo: Trích đoạn thứ nhất còn sót lại từ các tác phẩm của Protagoras.
 Ảnh hưởng: thuyết tương đối.
 Từ liên quan: nhà ngụ biện (trang 034).

Đối với người ở đất nước lạnh hơn Nhật Bản thì khí hậu Nhật Bản là nóng, nhưng với người ở xứ nóng thì khí hậu Nhật Bản là lạnh.

Lưu ý là “con người” trong trường hợp này không mang ý nghĩa “con người” đối lập với “động vật”!

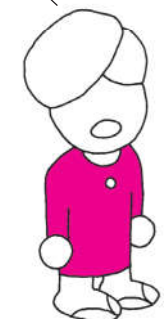
Ai cũng nói thật.
Con người là thước đo vạn vật!

Nhật Bản nóng lắm!

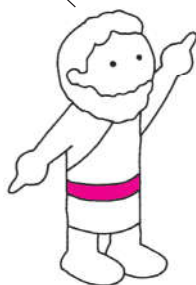


Người Nga (người xứ lạnh)

Nhật Bản lạnh lắm!



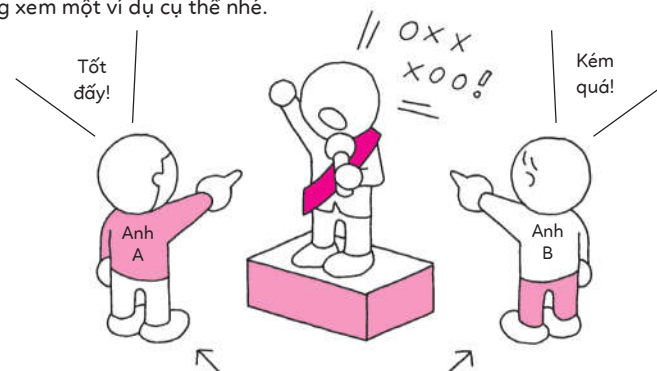
Người Ấn Độ (người xứ nóng)



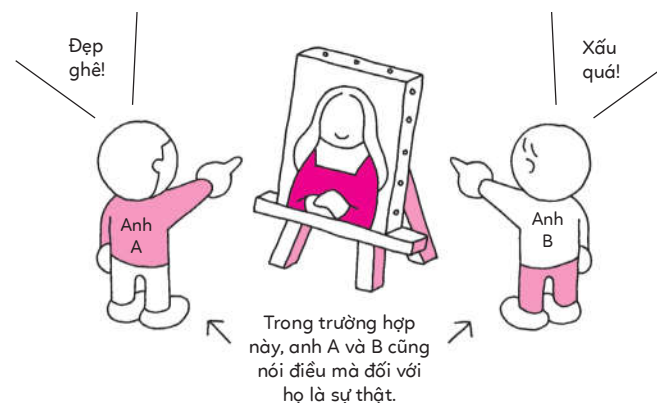
Protagoras

Giá trị quan của mỗi người là khác nhau. Nhà ngụ biện (trang 34) Protagoras quan niệm không có sự thật tuyệt đối nào mà tất cả mọi người đều đồng ý. Hơn thế nữa, ông cũng phát biểu rằng **con người chính là thước đo của vạn vật**. Cách nghĩ đó được gọi là **thuyết tương đối**. Ngày nay, thuyết tương đối là tư tưởng phổ biến. Trong thời kỳ Cận đại, dưới sự ảnh hưởng của chủ nghĩa lấy các nước phương Tây làm trung tâm, sự cai trị của thực dân được hợp thức hóa. Việc nhìn nhận lại giai đoạn chủ nghĩa thực dân lan rộng đã sản sinh ra **chủ nghĩa tương đối văn hóa** trong thời hiện đại, nhận định rằng không có ưu điểm hay khuyết điểm khi bàn về phạm trù văn hóa.

Ta cùng xem một ví dụ cụ thể nhé.



Cả anh A và anh B đều nói ra điều mà đối với họ là sự thật.



Trong trường hợp này, anh A và B cũng nói điều mà đối với họ là sự thật.

Như vậy, không có sự thật (giá trị) chung cho tất cả. Tư tưởng của thuyết tương đối giúp ta không trở nên độc đoán, đem lại tinh thần bao dung. Tuy nhiên, đồng thời, bởi vì “tốt” hay “xấu” là tùy theo cách nhìn nhận của mỗi cá nhân, vậy nên lối suy nghĩ rằng: “Miễn là không ảnh hưởng đến người khác thì làm gì cũng được” cũng dần lan rộng.

